

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC LÝ LUẬN VỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

GS. TS. Nguyễn Hữu Vui

Nước Việt Nam mới - nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) - thành quả vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đi được một chặng đường lịch sử 55 năm.

Lịch sử nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuy chỉ diễn ra trực tiếp vào nửa sau của thế kỷ XX, song nó lại gắn hữu cơ với tất cả những sự kiện cách mạng lớn nhất của thế giới thế kỷ XX này. Nó vừa là một phần kết quả của những sự kiện trước (ra đời trong ảnh hưởng sâu sắc của cách mạng Tháng Mười vĩ đại và sau thắng lợi về vang của Liên Xô chống phát xít năm 1945), vừa là một phần nguyên nhân, động lực thúc đẩy các sự kiện tiếp sau (Việt Nam đã góp phần tạo ra dòng thác thứ hai của thế giới những năm 50 của thế kỷ - phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa của đế quốc, cũng như tăng cường sức mạnh cho phong trào cách mạng XHCN, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin - hệ tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân thế giới).

Nửa sau của thế kỷ XX trong đó có 55 năm ra đời, tồn tại, phát triển của Nhà nước Việt Nam mới của chúng ta cũng là thời kỳ chứng kiến không ít những thăng trầm của lịch sử cách mạng thế giới. Trong đó tồn thất lớn nhất là sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu, làm cho phong trào cách mạng XHCN, lâm vào thoái trào tạm thời và đặt hệ tư tưởng của phong trào đó - chủ nghĩa Mác-Lênin vào những tình huống hết sức khó khăn và có thể nói, sự nghiệp đổi mới đứng đắn, sáng tạo mà nhân dân ta đang thực hiện thắng lợi được Đảng ta khởi xướng hơn mười năm nay là kết quả của những đòi hỏi khách quan của thời đại và cũng là điều kiện có ý nghĩa quyết định đưa Việt Nam vượt qua những cam go, thử thách của cách mạng thế giới hiện nay.

Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ta phản ánh sự phát triển đa dạng, nhiều mặt và phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, nhưng cũng là vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhìn lại dù chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ đường lối đổi mới của Đảng ta, nhân kỷ niệm 55 năm nước Việt Nam mới của chúng ta cũng là một việc làm rất có ý nghĩa, góp phần thực hiện mục tiêu trên của Đảng và nhân dân ta.

Từ góc độ của những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu lý luận (cụ thể là lý luận về tôn giáo) ở một trường đại học xã hội và nhân văn lớn của đất nước, chúng tôi muốn xin được nêu vài suy nghĩ về đổi mới công tác lý luận tôn giáo hiện nay ở nước ta.

Chúng tôi cho rằng, sự nghiệp đổi mới của Đảng ta không phải chỉ được khởi xướng do yêu cầu của xu thế phát triển của thế giới ngày nay, cũng như không chỉ để khắc phục những thiếu sót phạm phải trong sự phát triển đất nước một hai thập kỷ trước đó, mà nó là kết quả tất yếu của con đường đi lên của đất nước từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 (nếu không nói là từ khi có Đảng) đến nay. Tất nhiên thời kỳ đổi mới đánh dấu về mặt thời gian khởi xướng vào năm 1986 là thời điểm có ý nghĩa như một bước nhảy về chất của giai đoạn phát triển cách mạng XHCN ở miền Bắc (1954) và sau đó là trong cả nước (từ 1975). Nói như vậy để khi đề cập vấn đề đổi mới công tác lý luận (trong đó có công tác lý luận về tôn giáo) thì tốt nhất chúng ta cần đặt nó trong cả lịch sử 55 năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nước Việt Nam là một nước có nhiều dân tộc và nhiều tôn giáo. Thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam ta 70 năm qua, trong đó có 55 năm chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là kết quả của chính sách đại đoàn kết dân tộc (bao gồm chính sách đoàn kết tôn giáo). Chính sách đó cũng như mọi chính sách, đường lối chung của Đảng ta đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo, tài tình lý luận khoa học Mác-Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. Công tác lý luận thực chất là quá trình tổ chức xây dựng hệ thống lý luận thông qua đường lối chính sách làm cho nó được hiện thực hoá trong thực tiễn cuộc sống của nhân dân. Đồng thời đi liền với

quá trình đó, tất yếu phải có một đội ngũ cán bộ có năng lực (có thể lúc đầu chưa cao) và phẩm chất cách mạng vững vàng.

Với quan niệm trên, công tác lý luận về tôn giáo nói riêng và công tác lý luận nói chung đã được Đảng ta tiến hành ngay từ những ngày đầu tồn tại của nước Việt Nam mới. Đó chính là công tác xây dựng các chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Chính sách không ngừng được phát triển bổ sung trong suốt quá trình đi lên của cách mạng Việt Nam trên cơ sở các quan điểm lý luận của Đảng ta và cũng là của chủ nghĩa Mác-Lênin được phát triển sáng tạo ở Việt Nam thể hiện trong các văn kiện của mỗi kỳ Đại hội Đảng. Đồng thời cũng đặc biệt phải kể đến nhiều bài nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta trong các thời kỳ lịch sử khác nhau khi đề cập những vấn đề chính trị - xã hội, nhất là khi nói đến một tư tưởng như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam, làm nên mọi thắng lợi về vang của dân tộc - Tư tưởng đại đoàn kết - đã có những quan điểm khoa học sâu sắc về vấn đề tôn giáo (những quan điểm này đã được Viện nghiên cứu tôn giáo tổng kết vào giữa những năm 90).

Cũng ngay từ khi có chính quyền mới, dưới nhiều hình thức Đảng ta đã chăm lo giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên và nhân dân. Đặc biệt khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thành công, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, các trường đại học ra đời thì việc giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lênin và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam được đưa ngay vào chương trình giáo dục của nhà trường với đội ngũ thầy giáo lúc đó chủ yếu là các cán bộ chính trị của cơ quan Đảng và Quân đội. Qua giáo dục lý luận Mác-Lênin, nhất là triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, người học ít nhiều đã được trang bị các quan điểm duy vật vô thần-đó cũng chính là một phần lý luận khoa học về tôn giáo. Vào những những năm 70, môn "Chủ nghĩa vô thần khoa học" (sau này đổi thành môn "Lý luận về tôn giáo") đã chính thức đưa vào giảng dạy tại khoa Triết học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn).

Trước những năm 70, ở Viện Triết học (lúc đó thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam) cũng đã hình thành nhóm nghiên cứu chủ nghĩa vô thần khoa học (lý luận khoa học về tôn giáo), do một nhà khoa học

nữ phụ trách, đã công bố được một số bài nghiên cứu về tôn giáo (chủ yếu là lịch sử công giáo). Rồi tới giữa những năm 80, cuốn sách đầu tiên về chủ nghĩa vô thần khoa học (do một cán bộ của Bộ môn Mác-Lênin Trường ĐHTH Hà Nội, nay là Trường ĐHKHXH-NV dịch) được Nhà xuất bản sách giáo khoa Mác-Lênin (sau đổi tên là Nhà xuất bản tư tưởng - văn hoá) ấn hành, đã góp phần giúp bạn đọc Việt Nam - những người quan tâm đến vấn đề lý luận tôn giáo hiểu thêm được một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo.

Như vậy, với những nội dung và hình thức phong phú gắn với thực tiễn phát triển của đất nước, công tác lý luận về tôn giáo thực tế đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm tổ chức thực hiện ngay từ những ngày đầu tồn tại nước Việt Nam mới - nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và phát triển cho đến ngày nay.

Tuy nhiên, những năm gần đây trước những biến động sâu sắc và nhiều mặt của thế giới cũng như trong những điều kiện mới của kinh tế-xã hội nước ta, sự tồn tại và phát triển của tôn giáo có những động thái mới rất đáng quan tâm và cũng rất cần có một cái nhìn mới từ góc độ của công tác lý luận về tôn giáo. Như sự bùng nổ ở một số nước trên thế giới những cuộc chiến tranh sắc tộc-tôn giáo; chiều hướng gia tăng các tôn giáo gần như song hành với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (riêng ở Việt Nam đạo Thiên chúa và đạo Tin lành phát triển có tính đột biến ở vùng các dân tộc ít người); xu hướng thế tục mang tính phổ biến; sự xuất hiện những tôn giáo mới (lạ); phong trào liên tôn thay vì sự kỳ thị giữa các tôn giáo phát triển; đặc biệt, mê tín dị đoan tăng nhanh, hiện tượng nhiều người (từ trình độ học vấn thấp đến trình độ học vấn cao, từ những dân chúng bình thường đến những nhà quản lý xã hội các cấp ...) tin vào những điều lạ, phép mầu, tử vi, tướng số ... là rất phổ biến. Hiện tượng đó không chỉ thấy ở các nước kém phát triển, mà còn ở các quốc gia phát triển cao. Ví dụ, ở Mỹ gần đây nhiều tổ chức (Hội) mê tín dị đoan mọc lên thu hút hàng nhiều chục triệu người, như "Hội tập trung công nghiệp tiên thiên" - có 61 triệu người, "Hội chiêm tinh học" - 32 triệu người, "Hội I-ô-ga thần bí" - 3 triệu người, chưa kể hàng trăm triệu người tin số tử vi. Ở Việt Nam, hiện tượng xem tướng số, bói toán, lên đồng, hầu bóng,

v.v... đang trở lại hoạt động khá náo nhiệt, nhất là ở trung tâm tín ngưỡng, ở những nơi đó hội.

Nhìn nhận như thế nào về những hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo trên đây đang là một đòi hỏi của sự đổi mới công tác lý luận về tôn giáo ở nước ta hiện nay.

Cùng với sự nghiệp đổi mới, trong đó có đổi mới về tư duy lý luận được Đảng ta khởi xướng vào năm 1986 có sự đổi mới công tác lý luận về tôn giáo.

Trước hết, từ quan điểm của triết học duy vật về lịch sử, Đảng ta coi công tác lý luận về tôn giáo như một bộ phận cấu thành kiến trúc thượng tầng của xã hội mới - xã hội XHCN bao gồm các quan điểm khoa học về tôn giáo và những thiết chế (tổ chức) tương ứng, nên Đảng và Nhà nước trước hết đã đổi mới hoạt động của một tổ chức có vai trò quan trọng trong việc giúp Đảng và Nhà nước chế định các chính sách tôn giáo khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, làm sao cho các chính sách đó thể hiện được tư tưởng khoa học của lý luận Mác-Lênin được vận dụng sáng tạo trong tình hình tôn giáo ở Việt Nam-đó là Ban Tôn giáo Chính phủ. Tiếp đó là các cơ quan nghiên cứu và đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy lý luận về tôn giáo lần lượt được thành lập: Viện nghiên cứu tôn giáo thuộc Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia; Trung tâm nghiên cứu khoa học tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Với sự ra đời của hai cơ quan đó, công tác lý luận về tôn giáo ở nước ta đã được đẩy mạnh một bước quan trọng. Hàng chục công trình khoa học tầm cỡ nghiên cứu, lý luận về tôn giáo được công bố trên cơ sở kết quả của những đề tài khoa học cấp Nhà nước và cấp Bộ. Đồng thời, một lớp đào tạo Thạc sĩ về khoa học tôn giáo đầu tiên đã được mở tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và dự định tốt nghiệp vào cuối năm 2000.

Cũng không thể không kể đến một kết quả quan trọng nữa thuộc lĩnh vực khoa học về tôn giáo là mấy năm gần đây nhiều nghiên cứu sinh và học viên cao học đã bảo vệ thành công luận án và luận văn tiến sĩ, thạc sĩ về lý luận tôn giáo trong ngành Triết học.

Những kết quả nói trên về nghiên cứu, đào tạo thuộc lĩnh vực lý luận tôn giáo có sự đóng góp tích cực của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Ví dụ, cán bộ khoa Triết học của Trường đã trực tiếp hướng dẫn thành công hàng chục luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ về lý luận tôn giáo, tham gia đào tạo lớp thạc sĩ tôn giáo đầu tiên của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; đồng tác giả một số công trình khoa học về tôn giáo v.v...

Đồng thời, cùng với đổi mới chung công tác lý luận về tôn giáo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn mới đây đã cho thành lập tại khoa Triết học Bộ môn khoa học về tôn giáo với nhiệm vụ mấy năm trước mắt sẽ đào tạo tại trường cử nhân triết học chuyên ngành khoa học tôn giáo, và khi đủ điều kiện sẽ đào tạo cử nhân ngành khoa học tôn giáo.

Trong đổi mới công tác lý luận về tôn giáo thời gian qua ở nước ta, Đảng ta đã đưa ra những quan điểm lý luận rất cơ bản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho việc giải quyết vấn đề tôn giáo trên lập trường khoa học Mác-Lênin phù hợp với điều kiện xã hội Việt Nam. Những kết quả trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo nói trên chính là phản ánh các quan điểm lý luận cơ bản đó của Đảng ta về tôn giáo.

Dưới đây, chúng tôi muốn nêu lên những suy nghĩ bước đầu của mình về một số quan điểm lý luận của Đảng ta trên lĩnh vực này.

Trước hết, chúng tôi muốn nói đến quan điểm nêu trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và cũng là trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”.

Xét từ góc độ vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam nhất là giai đoạn chúng ta đang xây dựng đất nước quá độ lên CNXH (hay theo định hướng XHCN) thì quan điểm trên đây của Đảng ta là một quan điểm đổi mới, sáng tạo và rất căn bản trong lĩnh vực lý luận về tôn giáo. Từ quan điểm này nó cho chúng ta một cách nhìn, một thái độ ứng xử mới, khoa học, thực

tiến đối với vấn đề tôn giáo hiện nay (chúng tôi muốn đặc biệt lưu ý trong điều kiện của CNXH).

Thực ra, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin từ lâu đã nói đến nhu cầu tôn giáo của nhân dân (hay nói chính xác, tôn giáo như một nhu cầu tinh thần của nhân dân), nhưng chủ yếu là nói trong điều kiện của xã hội có áp bức giai cấp, khi mà tôn giáo luôn luôn là vũ khí tinh thần nằm trong tay giai cấp thống trị bóc lột để thực hiện sự áp bức giai cấp đó. Như C.Mác đã từng nói: tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức; là trái tim (tình cảm - NHV) của thế giới không có trái tim. Còn Ph. Ăng-ghe-nh khi nói về nguyên nhân ra đời Đạo cơ đốc thì cho rằng, đạo này xuất hiện ở đế chế La Mã như là kết quả sự phản kháng của giai cấp nô lệ đông đảo, là khát vọng giải phóng của nó trong cuộc đấu tranh thất bại chống lại giai cấp chủ nô. Và khi hình tượng hoá tư tưởng này của Ph.Ăng-ghe-nh, một nhà văn Pháp đã nói: Giê-Su thắng, bởi vì Xpác-ta-quyt thất bại.

Tôn giáo như một nhu cầu tinh thần của quần chúng nhân dân nghèo khổ, bị áp bức và bất lực trong cuộc đấu tranh chống áp bức (cả của xã hội và tự nhiên) được thể hiện một cách khái quát hơn trong quan điểm của Ăng-ghe-nh cho rằng: Bất cứ tôn giáo nào cũng chỉ là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc người ta những sức mạnh bên ngoài đang thống trị con người trong đời sống hàng ngày, chỉ là sự phản ánh mà trong đó, sức mạnh thế gian đã mang hình thức sức mạnh siêu thế gian. Qua đây chúng ta thấy rõ, C.Mác, Ph.Ăng-ghe-nh luôn luôn thừa nhận tôn giáo là nhu cầu (hơn nữa, là nhu cầu khách quan) của con người đang sống trong sự bất lực, và trước sự bất lực thực tiễn đó tôn giáo có khả năng đền bù - hư ảo hay an ủi - mơ hồ con người. Và cũng do vậy, C.Mác đã nói: tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân. Tư tưởng này đã được Lê-nin đánh giá cao và xem như hòn đá tảng trong quan điểm mác-xít về tôn giáo.

Nhưng sau khi CNXH thắng lợi đầu tiên ở Liên Xô và tiếp đó ở nhiều nước, thì trong số các nhà nghiên cứu mác-xít về tôn giáo hầu như không ai nói tôn giáo là nhu cầu tinh thần của nhân dân (dù là một bộ phận, mà xin nói thêm, bộ phận này rất không nhỏ: nhiều tỷ người trên hành tinh chúng ta đang tin theo các tôn giáo khác nhau; ở Việt

Nam, nói rằng có hơn 20 triệu người theo các tôn giáo, nhưng đây là con số thống kê rất tương đối, vì không biết hết được có bao nhiêu người tu tại gia, không nói hoặc không ghi tên mình trong các tổ chức tôn giáo; và đồng thời nếu thừa nhận thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng, thì chúng ta có thể nói gần 100% dân Việt Nam theo các tín ngưỡng, tôn giáo).

Chủ nghĩa Mác cho rằng, sự ra đời của tôn giáo là có những nguồn gốc xã hội, nhận thức và tâm lý. Và nếu nguồn gốc xã hội không chỉ là ách áp bức giai cấp, mà còn là những mối quan hệ xã hội hạn chế khác, còn nguồn gốc nhận thức cũng không chỉ là trình độ thấp về nhận thức mà còn do thế giới vật chất khách quan xung quanh con người là vô tận, những bí mật của nó không bao giờ phát hiện hết luôn luôn đang còn là mối đe dọa đến cuộc sống hàng ngày của con người, đem lại cho họ những nỗi khiếp sợ. Đó là chưa kể tới sự phát triển khoa học và công nghệ ngày nay một mặt tạo ra cho con người những thành tựu quý giá, giúp cho con người sống hạnh phúc hơn thì nó cũng làm nảy sinh không ít những mặt trái của xã hội làm cho con người rơi vào bất hạnh. Do đó, trong xã hội hiện đại, kể cả xã XHCN vẫn còn các nguồn gốc làm nảy sinh tôn giáo như một nhu cầu tinh thần của con người nhằm bù đắp (dù là hư ảo) sự thiếu hụt trong các mối quan hệ giữa con người với nhau và giữa con người với tự nhiên. Và tôi cũng hoàn toàn tán thành một quan điểm đổi mới, khoa học và thực tiễn của Đảng ta nêu trong Dự thảo báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ VII về tôn giáo cho rằng: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân".

Nếu xét tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội thì nó luôn luôn tồn tại trong sự tác động đan xen với các hình thái ý thức xã hội khác như với ý thức chính trị, văn hoá, khoa học, đạo đức như một quy luật phát triển của ý thức xã hội. Do đó trong sự vận động của ý thức tôn giáo không tránh khỏi có những dấu in của các hình thái ý thức xã hội. Sự phù hợp nào đấy của nó với những chuẩn mực đạo đức trần thế, hay với văn hoá, thậm chí với khoa học cũng là điều hoàn toàn có thể giải thích được. Còn nếu xét tôn giáo như một tiểu hệ thống kiến thức thượng tằng, nghĩa là cùng với ý thức tôn giáo có thiết chế, tổ chức tương ứng, thì trong tổ chức, nhất là của các tôn giáo lớn trên thế giới

hiện nay và ở bất kỳ quốc gia nào, quần chúng nhân dân lao động bao giờ cũng chiều cố số đông và ý thức tôn giáo ở họ chỉ là một phần trong ý thức giáo dân của họ. Cho nên có điều gì nói hay, nói tốt về tôn giáo ở Việt Nam là trước hết chúng ta nói đến cái lực lượng đông đảo này của khối đại đoàn kết dân tộc - quần chúng giáo dân lao động. Đồng thời chúng tôi cũng cho rằng, khi nêu quan điểm coi tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng ta đã tiếp cận một phương pháp nghiên cứu được nói đến trong giới nghiên cứu Mác-xít về tôn giáo trong những năm gần đây - đó là phương pháp thống nhất phân tích tôn giáo về mặt triết học với phân tích tôn giáo về mặt xã hội học. Nguyên tắc phương pháp luận này đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lê-nin sử dụng từ lâu trong nghiên cứu hiện tượng tôn giáo, nhưng theo chúng tôi biết mãi, đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, các nhà nghiên cứu về tôn giáo Xô-viết mới đề cập đến.

Lâu nay, đa số các nhà triết học Mác-xít, khi nghiên cứu hiện tượng tôn giáo chỉ tập trung chú ý làm rõ bản chất của nó như một hình thức xã hội phản ánh sai lầm, hư ảo thế giới hiện thực, ít thấy được vai trò (kể cả tích cực) của nó trong đời sống xã hội. Còn các nhà xã hội học tôn giáo phương Tây thì lại chỉ nhìn thấy ở tôn giáo vai trò tích cực của nó, cường điệu vai trò đó, xem nó như một nhu cầu tất yếu khách quan, không thể thiếu được của nhân loại, thậm chí quyết định toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội loài người.

Từ lâu các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã cho chúng ta một mẫu mực của sự nghiên cứu tôn giáo theo nguyên tắc phương pháp luận trên. Ví dụ, khi kết hợp hai sự phân tích triết học và xã hội học đối với hiện tượng tôn giáo, C.Mác một mặt chỉ ra thế giới quan sai lầm của tôn giáo mặt khác khẳng định vai trò (kể cả tích cực của nó) trong việc chống lại trật tự xã hội cũ. Ông nói : Tôn giáo, một mặt phản ánh sự nghèo nàn của hiện thực, mặt khác là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực, và nhiều quan điểm khác.

Thấm nhuần nguyên tắc phương pháp luận trên của chủ nghĩa Mác, khi nghiên cứu, đánh giá hiện tượng tôn giáo, Đảng ta luôn luôn có quan điểm toàn diện, nhìn nhận tôn giáo với đầy đủ các mặt của nó.

Khi coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng ta đồng thời nói rõ: Cần thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân theo hoặc không theo một tôn giáo nào; Nghiêm cấm việc xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước. Hoặc, về phía Nhà nước phải chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội giúp đỡ đồng bào có đạo xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, còn về phía đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời đẹp đạo".

Cũng từ lập trường duy vật khoa học xem tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội, tại Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương khoá VIII, Đảng ta còn đưa ra một quan điểm có tính chất đổi mới lý luận về tôn giáo nhằm soi sáng mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hoá ở Việt Nam hiện nay. Trong văn kiện của Hội nghị này ở phần "Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá", Đảng ta nêu rõ một đề mục: chính sách văn hoá đối với tôn giáo. Ở đây chúng tôi xin phép không nói nội dung của chính sách này, mà chỉ muốn nói suy nghĩ của mình là tại sao Đảng ta lại đặt vấn đề phải có chính sách văn hoá đối với tôn giáo.

Chúng tôi chưa có cơ sở để dám nói : tôn giáo là một bộ phận của văn hoá. Về mặt triết học càng không nên nói như vậy, vì theo quan điểm triết học, nếu xem tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội thì nó đứng cùng hàng với văn hoá - nghệ thuật, cũng như các hình thái ý thức xã hội khác như chính trị, đạo đức, khoa học. Còn nếu xét nó như một tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng (gồm ý thức và thể chế) thì nó lại là một bộ phận cấu thành kiến trúc thượng tầng xã hội (ở Việt Nam là kiến trúc thượng tầng XHCN) và có sự liên hệ tác động đến các yếu tố khác của kiến trúc thượng tầng, từ đó mà tác động đến sự phát triển xã hội nói chung. Trong sự liên hệ tác động của tôn giáo với các yếu tố của kiến trúc thượng tầng, thì tác động với văn hoá là thấy rõ nhất. Mối liên hệ tác động này có căn nguyên từ chính trong đặc điểm cấu trúc của mỗi loại hiện tượng. Đặc điểm của niềm tin tôn giáo là tin vào sự tồn tại thực của cái siêu nhiên (thần thánh), do đó thờ cúng, lễ nghi là phương tiện giao tiếp giữa người có tín ngưỡng, tôn giáo với thần

linh là yếu tố không thể thiếu trong cấu trúc tôn giáo. Hiệu quả của phương tiện này phụ thuộc quyết định vào các hình thức nghệ thuật như âm nhạc (chuông mõ), múa (trong tế lễ), hội họa, điêu khắc (tranh, tượng), kiến trúc (trong xây dựng đình chùa, nhà thờ). Còn trong cấu trúc của văn hoá, đặc biệt văn hoá truyền thống thì tín ngưỡng dân gian (thờ cúng tổ tiên) lại là một bộ phận hợp thành. Do đó, có một chính sách văn hoá đối với tôn giáo (và theo chúng tôi, có thể nói thêm, cần quán triệt chính sách tôn giáo trong thực hiện chính sách văn hoá), là một tư tưởng đối mới quan trọng của Đảng ta không chỉ đối với tôn giáo, mà cả đối với văn hoá. Tư tưởng lý luận đối mới ý nghĩa chỉ đạo hoạt động thực tiễn của chúng ta trong hai lĩnh vực này. Khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chúng ta không đối lập với tôn giáo, và nhất là không quên khai thác những yếu tố văn hoá trong tôn giáo để làm phong phú bản sắc văn hoá chung của dân tộc. Đồng thời khi thực hiện chính sách tôn giáo, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân cần đi đôi với bài trừ mê tín dị đoan (là một yếu tố thường có của các tín ngưỡng, tôn giáo), làm cho nó không xâm nhập vào trong văn hoá truyền thống (tín ngưỡng dân gian, lễ hội dân tộc ...).

Như vậy, các quan điểm của Đảng ta trong đối mới lý luận về tôn giáo, là vừa để chúng ta nhận thức lại tinh thần khoa học đúng đắn của các quan điểm Mác-Lênin và của Đảng ta về tôn giáo trước những biến động phức tạp của hiện tượng này trong xã hội hiện đại, vừa để soi vào và chỉ đạo hoạt động thực tiễn nhằm giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tinh thần của hàng chục triệu quần chúng lao động trong sự phát triển ổn định của đất nước quá độ lên CNXH.